TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/DS-PT
Ngày 23 – 9 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng thuê
và chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng thuê và chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Văn U (Võ Hoàng S), sinh năm 1957. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn U: Bà Võ Thị L, sinh năm 1945. Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1943. Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn P: Bà Võ Kim A, sinh năm 1943. Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Võ Kim A, sinh năm 1943 (có mặt)

2. Bà Đinh Thị Đ sinh năm 1976 (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Văn K (Nguyễn Hoàng S), sinh năm 1975 (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1980 (vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Công B, sinh năm 1986 (vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

8. Anh Đoàn Thanh H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

9. Anh Phan Trường G, sinh năm 1975 (vắng mặt)

10. Anh Lê Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

11. Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

12. Anh Lương Văn L, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Văn P, sinh năm 1943.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Võ Văn U và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị L trình bày:

Vào khoảng tháng 6/1992 ông U có cố phần đất diện tích 11.930m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 10.717,3m^2) cho ông Nguyễn Văn P và bà Võ Kim A với giá 24 chỉ vàng 24k, thỏa thuận khi nào con ông U lớn và ông U có khả năng thì vợ chồng ông P phải cho chuộc lại đất, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, do ông U là em ruột của bà Võ Kim A (vợ ông P), ông U đã nhận đủ 24 chỉ vàng 24k từ vợ chồng ông P. Đến năm 2014, ông U đến gặp vợ chồng ông P để chuộc lại đất, nhưng vợ chồng ông P không đồng ý và cho rằng ông U chuyển nhượng đất vào năm 1996 nên phát sinh tranh chấp.

Vào ngày 04/3/2011 (âm lịch) giữa ông U với ông Ph có lập *"Giấy nhượng đất"* nội dung là ông U chuyển nhượng cho ông P phần đất diện tích 3.900m^2 (bao gồm phần đất thổ cư có diện tích 300m^2), giá chuyển nhượng là 30 chỉ vàng 24k (diện tích qua đo đạc thực tế là 3831.6m^2), giấy nhượng đất do ông Nguyễn Văn Đ là em ruột của ông P ghi có sự chứng kiến của con ông P là chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn G, khi sang nhượng đất hai bên không đo đạc diện tích, không xác định vị trí đất. Việc thanh toán vàng hai bên thỏa thuận ngay sau khi lập giấy nhượng đất ông P trả trước 03 chỉ, còn lại 27 chỉ hàng tháng ông P trả 01 chỉ, ông U 05 tháng lên nhà ông P nhận vàng 01 lần, mỗi lần nhận là 05 chỉ. Ông P có trả được 16.5 chỉ vàng 24k, số vàng còn lại 13.5 chỉ vàng 24k thì giữa ông U và ông P cam kết đến ngày 25/7/2013 (âm lịch) sẽ trả đủ vàng, tuy nhiên đến ngày giao hẹn ông P không trả với lý do diện tích đất ông

U chuyển nhượng cho ông P là 3900m^2, nhưng ông P yêu cầu ông U giao 4200m^2, nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông U, bà L yêu cầu ông Phèn giao trả cho ông U phần đất diện tích 10.717,3m^2 (là đất cố) và đồng ý hoàn trả cho ông P 24 chỉ vàng 24k. Trường hợp ông U được chuộc lại phần đất thì ông U không đồng ý bồi hoàn công sức cải tạo, tăng giá trị đất mà ông P đã đầu tư vào đất, vì trong quá trình canh tác ông P đã có thu nhập. Đồng ý tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 3.900m^2 (qua đo đạc thực tế là 3831,6m^2) và yêu cầu ông P tiếp tục giao trả cho ông U 13,5 chỉ vàng 24k. Đối với diện tích đất nền mộ 98.4m^2 thống nhất trừ ra không tranh chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Vào năm 1996, ông U có chuyển nhượng cho ông phần đất ruộng diện tích 11.930m^2 (qua đo đạc thực tế diện tích 10.717,3m^2) với giá 24 chỉ vàng 24k, ông đã trả đủ vàng cho ông U, việc thỏa thuận chuyển nhượng không làm thành văn bản do là anh em và có các nhân chứng như ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn Đ biết rõ. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông U giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông giữ, nhưng do bà Võ Thị L trước đây sống cùng nhà với ông nên đã đánh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 2014 thì phát sinh tranh chấp. Trong phần đất này, ông có cho con là Nguyễn Việt K diện tích 07 công tầm cấy vào năm 2011 (qua đo đạc thực tế nằm trong phần tranh chấp là 3749.9m^2), hiện nay vợ chồng ông còn sử dụng khoảng 02 công tầm cấy. Trước đây, ông có cầm cố cho anh Trần Văn C diện tích đất còn lại trong phần đất này và hiện nay ông đã chấm dứt hợp đồng cầm cố với ông C và ông cầm cố cho anh Lương Văn L vào khoảng tháng 3/2020, với giá 200.000.000 đồng, thời hạn cố đất là 03 năm, ông đã nhận tiền đủ và đã giao đất cho anh L canh tác.

Ông thống nhất với nguyên đơn vào ngày 04/3/2011 (âm lịch) giữa ông với ông Võ Văn U có lập *"Giấy nhượng đất"* như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên đến ngày 25/7/2013 (âm lịch) ông U không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng, nên ông không giao 13.5 chỉ vàng cho ông U, nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay ông không đồng ý trả phần đất diện tích 10.717,3m^2 theo yêu cầu của ông U. Đối với phần đất diện tích 3831,6m^2 ông đồng ý tiếp tục hợp đồng chuyển nhượng và đồng ý tiếp tục giao trả cho ông U 13.5 chỉ vàng 24k.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Kim A trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông P, bà không có ý kiến bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K và chị Định Thị Đ thống nhất trình bày: Vào năm 2011, anh, chị được ông Nguyễn Văn P cho phần đất khoảng 07 công tầm cấy (01 công tầm cấy bằng 1296m^2), trong đó có phần đất diện tích 3749.9m^2 nằm trong phần đất hiện nay ông U và ông P đang tranh chấp. Trường hợp Tòa án giải quyết buộc anh, chị trả phần đất cho ông U thì anh, chị đồng ý giao trả mà không có ý kiến yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông Võ Văn U, không có ý kiến gì bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C trình bày: Vào ngày 24/8/2017 đến ngày 24/8/2020 ông nhận cố đất của ông Nguyễn Văn P, thời hạn cố đất là 03 năm, với giá là 200.000.000 đồng. Nay phần đất ông nhận cố nằm trong phần đất hiện ông U và ông P đang tranh chấp, nhưng do giữa ông và ông P đã thỏa thuận với nhau nên ông không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn L trình bày: Vào tháng 3/2020 anh có nhận cố đất của ông Nguyễn Văn P với diện tích khoảng 14 công, với giá là 200.000.000 đồng, trong thời hạn 03 năm. Anh đã trả đủ cho ông P số tiền 200.000.000 đồng và ông P đã giao đất cho anh quản lý, sử dụng. Hết thời hạn 03 năm thì anh giao trả đất cho ông P, ông P giao trả cho anh số tiền 200.000.000 đồng. Nay việc ông U và ông P đang tranh chấp về phần đất này thì anh không có ý kiến, yêu cầu gì. Trường hợp Tòa án có buộc ông P giao trả đất thì anh và ông P sẽ tự thỏa thuận với nhau về việc cố đất, anh không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn U đối với ông Nguyễn Văn P.

Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Võ Kim A, chị Đinh Thị Đ, anh Nguyễn Văn K (Nguyễn Hoàng S), chị Nguyễn Thị E; chị Nguyễn Thị N; anh Nguyễn Công B; chị Nguyễn Thanh T, anh Đoàn Thanh H; anh Phan Trường G và anh Lương Văn L giao trả cho ông Võ Văn U phần đất có diện tích 10.717,3m^2 nằm tại thửa số 522, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Buộc ông Võ Văn U có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn P 24 chỉ vàng 24k.

2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn U và ông Nguyễn Văn P, phần đất có diện tích 3.831,6m^2 nằm tại thửa số 407, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ông Nguyễn Văn P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm giao trả cho ông Võ Văn U 13,5 chỉ vàng 24k.

3. Đình chỉ giải quyết đối với phần đất nền mộ có diện tích 98.4m^2 tại thửa số 407, tờ bản đồ số 15.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án, áp dụng Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 03 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu của ông Võ Văn U về việc yêu cầu ông trả lại diện tích đất 10.717,3m^2 đất, vì đất này ông đã sử dụng ổn định từ năm 1996 đến nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Phèn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn P nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P không đồng ý trả cho ông Võ Văn Út diện tích đất 10.717,3m^2, thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn xác định vào tháng 6/1992 ông U cố cho ông P phần đất diện tích 11.930m^2 (đo đạc thực tế là 10.717,3m^2), với giá 24 chỉ vàng 24k, thỏa thuận khi nào con ông U lớn thì ông U chuộc lại đất, việc thỏa thuận không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, đến năm 2014 ông U yêu cầu chuộc lại đất thì ông P không đồng ý. Ông P xác định phần đất này ông P nhận chuyển nhượng của ông U, việc chuyển nhượng đất thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ.

Xét thấy, qua xác minh những người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn X, ông Nguyễn Văn Đ và ông nguyễn Văn Đ đều xác định có việc ông P nhận chuyển nhượng đất của ông U, tuy nhiên ông Đ là anh ruột của ông P, ông Đ là

anh em bà con của ông P, nên lời khai của ông Đ, ông Đ không khách quan; còn ông X thì không trực tiếp chứng kiến việc chuyển nhượng đất, mà chỉ nghe ông P nói lại. Ngoài lời khai của những người làm chứng này thì ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh diện tích đất tranh chấp 10.717,3m^2 là do ông nhận chuyển nhượng của ông U, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay vẫn do ông U đứng tên và giữ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp 10.717,3m^2 ông U cầm cố cho ông P và tuyên vô hiệu hợp đồng cầm cố do theo quy định của pháp luật cá nhân không được cầm cố quyền sử dụng đất, buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/4/2019 thể hiện trên phần đất tranh chấp có một số tài sản của ông P. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Kim A là người đại diện theo ủy quyền của ông P xác định tất cả các tài sản của ông P theo biên bản đo đạc đều nằm trên diện tích đất 3.831,6m^2, thuộc thửa 407, tờ bản đồ số 15, phần đất này không kháng cáo và theo kết quả xét xử sơ thẩm thì ông P được giao sử dụng phần đất này, nên ông P tiếp tục quản lý, sử dụng. Đối với phần đất tranh chấp 10.717,3m^2, thuộc thửa 522, tờ bản đồ số 15 hiện nay không có tài sản gì trên đất.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P; có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi và đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm, nên được miễn nộp toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai; Điều 146 của Bộ luật dân sự 1995; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 14/2021/DS-ST ngày 04 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn U đối với ông Nguyễn Văn P.

1.1. Buộc ông Nguyễn Văn P, bà Võ Kim A, chị Đinh Thị Đ, anh Nguyễn Văn K (Nguyễn Hoàng S), chị Nguyễn Thị E; chị Nguyễn Thị N; anh Nguyễn Công B; chị Nguyễn Thanh T, anh Đoàn Thanh H; anh Phan Trường G và anh Lương Văn L giao trả cho ông Võ Văn U phần đất có diện tích 10.717,3m^2 nằm tại thửa số 522, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, vị trí cụ thể sau:

Cạnh hướng Đông giáp giáp phần đất ông Thạch T, cạnh dài 172m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 171,5m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 62,2m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất vườn tranh chấp và phần đất của ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 63,6m.

1.2. Buộc ông Võ Văn U có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn P 24 chỉ vàng 24k.

2. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn U và ông Nguyễn Văn Ph phần đất có diện tích 3.831,6m^2, tại thửa số 407, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp V, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liê, có vị trí cụ thể sau:

Cạnh hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 137m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Võ Văn U với ông Nguyễn Văn P, cạnh dài 30,4m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 123m.

Cạnh hướng Bắc giáp lộ đal, dài 30,4m.

Ông Nguyễn Văn P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Văn P có trách nhiệm giao trả cho ông Võ Văn U 13,5 chỉ vàng 24k.

Đình chỉ giải quyết đối với phần đất nền mộ có diện tích 98.4m^2 tại thửa số 407, tờ bản đồ số 15.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí phô tô hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Văn P phải chịu số tiền 2.210.000 đồng, bà Võ Thị L là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn U đã nộp và chi hết. Buộc ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ giao trả cho ông Võ Văn U số tiền 2.210.000 đồng.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Ông Võ Văn U và ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ. Ông Võ Văn U đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006767 ngày 23/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn P là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ.

5. Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.